

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1123 (Tr.528 _ Tr.531)

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BÁT KHÔNG
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh lễ **Phổ Hiền**
Pháp Giới Chân Như Thể
Nay Ta y Đại Giáo
Kim Cương Đỉnh Thắng Sơ
Lược thuật nghi tu hành
Thắng Sơ Kim Cương Giới
Hải Hội các Thánh Chúng
Ban vui nhìn gia hộ
Lợi ích người tu hành
Vì thế nên kết tập
Nếu muốn cầu Giải Thoát
Y chỗ A Xà Lê
Cầu nhận nơi Quán Đỉnh
Nếu được hứa khả xong
Mới y Bản Giáo tu
Chọn lựa được Thắng Xứ
Kiến lập nơi Luân Đàn
Tức nên tưởng thân mình
Đồng với **Thể Phổ Hiền**
Màu trắng như kha tuyết
Ngồi thẳng nhập Tam Muội
Trên lưỡi tướng **Ngũ Cổ**
Chày Kim Cương tinh diệu
Mật tụng Chân Ngôn này
Đồng một Pháp Giới tịnh
Liên tụng Chân Ngôn là:
“**Án, sa-phộc bà phộc thú độ hàm**”
ॐ 𑖀𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩
*)OM_ SVABHĀVA ŚUDDHA UHAM
Do tụng Chân Ngôn này
Thân Khí đều thanh tịnh

_ Quán Phật ở hư không
Tràn khắp như hạt mè
Liên tụng **Biến Chiếu Minh**
Thấy chư Phật rõ ràng
Quán Phật Chân Ngôn là:
“**Khiêm, phộc nhật-la đà đô**”
𑖀𑖡𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩

*)KHAM_ VAJRA-DHĀTU

Ứng mẫn **Hạnh Phổ Hiền**

Cầu thành Tội Chính Giác

_ Thân tâm chẳng dao động

Trong Định, lễ chư Phật

Liên tụng Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nga đa, bá ná mẫn ná nam, ca lô nhĩ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ SARVA TATHĀGATA-PĀDA VANDANĀM KARA UMI

Bản Tôn Đại Ấn thành

_ Tiếp kết **Kim Cương Chương**

Hợp chặt giao phân đầu

Mật Ngôn xung như vậy:

“**Phộc nhật-la nhạ lý**”

ॐ ॐ ॐ ॐ

*)VAJRA AMJĀLI

_ Liên tác **Kim Cương Phộc**

Minh ấy, bày như sau:

“**Phộc nhật-la mẫn đà**”

ॐ ॐ ॐ ॐ

*)VAJRA-BANDHA

_ Mở Phộc, đẩy võ tim

Nên tụng Mật Ngôn là:

“**Phộc nhật-la mẫn đà, đát-la tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)VAJRA-BANDHA TRĀṬ

_ Tiếp Kim Cương Phộc trước

Mở Thiên Trí (2 ngón cái) Đản Tuệ (2 ngón út)

Xung khắp vào Chân Ngôn

Giáng lâm mỗi gia trì

“**Phộc nhật-la phệ xá, ác**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)VAJRA AVIŚA AH

_ Chẳng sửa Khế lúc trước

Thiên Trí (2 ngón cái) gia Tiên Lực (2 ngón trỏ)

Đây là Tam Muội Quyền

Chân Ngôn tụng như vậy:

“**Phộc nhật-la mẫu sắt-trí, hàm**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)VAJRA-MUṢṬI VAM

_ Chia quyền ấy làm hai

Trái mạn (ngạo mạn) phải an tim
Thân Ngũ Ý Kim Cương
Hình thể như Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)
Đồng Phộc trước làm chuẩn
Trí (ngón cái trái) và Tiến (ngón trở phải) như cửa
Thiền (ngón cái phải) ép ở giữa ấy

Bí Mật Tam Muội Khế

Ấn: tim, trán, họng, đỉnh
Đều tụng Chân Ngôn này:

“Tố la đa, tát-đát-noan”

𑖔𑖩𑖫𑖮

*)SURATA STVAM

_Kim Cương Phộc giao bày
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) thành dạng đao
Tiến Lực (2 ngón trở) vịn cạnh đao
Y vạch đầu thứ nhất
Thiền (ngón cái phải) đè ở đầu Trí (ngón cái trái)
Như thế ngồi Kiết Già
An đỉnh, tim nên tưởng
Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana Buddha)
Trang nghiêm màu trắng tinh
Tụng Chân Ngôn này là:

“Án, bộ khiêm”

𑖔𑖩𑖫𑖮

*)OM_ BHŪḤ KHAM

_Tiếp nên ấn vàng trán
Nên tưởng **A Súc Bệ** (Akṣobhya Buddha: Bất Động Phật)
Màu xanh ở phía trước
Tụng Mật Minh này là:

“Phộc nhật-la tát-đát-phộc”

𑖔𑖩𑖫𑖮

*)VAJRA-SATVA

_Tiếp ấn bên phải đỉnh
Tên là **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-sambhava Buddha: Bảo Sinh Phật)
Tướng đoan nghiêm màu vàng
Chân Ngôn tụng như vậy:

“Phộc nhật-la la-đát-na”

𑖔𑖩𑖫𑖮

*)VAJRA-RATNA

_Nâng đê phía sau đỉnh
Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus Buddha)
Nghị thù đặc màu đỏ
Xung Chân Ngôn này là:

“Phộc nhật-la-đạt-ma”

वज्रधर्म

*)VAJRA-DHARMA

_ Lại để bên trái đỉnh

Bất Không Thành Tựu Tôn (Amogha-siddhi Buddha)

Màu lục, đồng năm Phật

Xung Mật Minh này là:

“Phộc nhật-la yết ma”

वज्रहर्म

*)VAJRA-KARMA

_ Tiếp tác **Bảo Man Khế**

Quán Đỉnh dùng nghiêm thân

Đem hai Kim Cương Quyền

Quán vòng quanh trước trán

Lại chia quyền sau ót

Như trước cột vòng hoa

Từ Đản Tuệ (2 ngón út) mở dần

Buông xuống ở hai bên

Như tượng rử đai lụa

Tụng tiếp Chân Ngôn sau:

“Án, phộc nhật-la ma la, tịch tru tả mãn, hàm”

ॐ वज्रमाला अभिषिक्त्वा मम वाम

*)OM_ VAJRA-MĀLA ABHIṢIṀCA MĀM VAM

_ Đều duỗi cánh Đỉnh Tuệ (2 bàn tay)

Cùng thành tựu **Phách Khế**

Hay thích tất cả Thánh

Chân Ngôn xung như vậy:

“Phộc nhật-la đồ sử-dã, hộc”

वज्र तुष्य हः

*)VAJRA TUṢYA HOḤ

_ **Kim Cương Mạn Ấn Minh**

Lắng tâm tụng một biến:

“Tát noan, cũ lỗ, dã tha, tổ khiếm”

सर्वं कुरु यथा सुखं

*)SARVAM KURU YATHĀ SUKHAM

_ Lại đủ Minh như trên

Mão **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)

Dùng sắc thân năm Phật

An trụ Ấn tương ứng

Biển Chiếu Bạc Già Phạm (Vairocana bhagavam)

Khế trụ Kim Cương Quyền

_ Tiếp Đông, **A Súc Bệ** (Akṣobhya)

Định vũ (tay trái) cầm góc áo

Thành quyền an trên tim
Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi

Thí Nguyện Bảo Sinh Tôn (Ratna-sambhava)
Trí chuông (lòng bàn tay phải) ngửa ngang vú

Vô Lượng Quang (Amitābha) **Thắng Ấn**
Đỉnh Quyền (quyền trái) mạn cầm sen
Tuệ quyền (Quyền phải) tựa bóc hoa

Lại như **Vô Động Phật** (Akṣobhya)
Trí Vũ (tay phải) tượng ba phan (3 cây phan)
Như bạt tể Hữu Tình
Giương chuông ở bên vú
Bất Không Thành Tựu Ấn (Amogha-siddhi mudra)

Lại tác Kim Cương Phộc
Mở chuông hợp Thiên Trí (2 ngón cái)
Đàn Tuệ (2 ngón út) như ngọn núi
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) vào trong chuông
Hợp nhau như mũi tên
An: tim, trán, cổ họng
Ở đỉnh cũng như thế
Đều dùng Tâm Mật Ngữ:

“**Hồng**”

ॐ

*)HŪM

Liên dâng nước thơm ấy
Xung Át Già Minh sau:

“**Bả la ma tổ khur xả dĩa (1) Sa la lý đa (2) Vĩ la sa năng nhĩ đối la-năng ma nhĩ bà nga noan, đàm (3) nhược hồng noan học (4) Tứ tứ tứ tứ (5) Bát-la để xa (6) củ tổ mãn nhạ lý la-năng tha (7)**”

ॐ ॐ

*)PARAMA-SUKHĀŚAYA SALĀLITA VILĀSANA MI TAIRNA MĀ MI BHAGAVAM TAM JAḤ HŪM VAM HOḤ HI HI HI HI PRATĪCCHA KUSUMĀM JALIRNĀTHĀ

Gần vàng trán dâng hiến
Như Nghi tắm Thánh Chúng

Y trước quán trắng đây
Trắng tinh hiện trong Đàn
Đại Thánh ở khoảng giữa
Khế trụ **Kim Cương Mạn**

Lại bày bốn Tôn Vị
Mắt, mũi tên ngay trước

Màu đỏ, quần áo đỏ
 Mão tóc dùng nghiêm sức
 Hai tay giương cung tên
 Nghi ngựa nhìn Tát Đỏa
Kê Lý Kê La Tôn (Kīlikīla)
 _Màu trắng ở bên phải
 Kim Cương Quyền hai tay
 Giao ôm Tam Muội Gia
 Ở sau, gọi là **Ái**
 _Hình, mắt đều màu xanh
 Hai quyền dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)
 Định vũ (tay trái) nâng chỏ phải
 Cùng cầm phướng Ma Kiệt
 Bên trái gọi là **Mạn**
 _Màu vàng, quyền tại háng
 Hướng trái hơi cúi đầu
Yết Ma Ân Chân Ngôn
 Gia trì để an lập
Đại Thánh Kim Cương Mạn
 Nên tụng Tâm Mật Ngôn:
“Hàm”
 𑖀
 *)HŪM

_Các Tôn bày thứ tự
 Khởi đầu từ con mắt
 Hai quyền đều bên chắc
 Nghi giương cung buông tên
 Tướng Mật Khé đã thành
Bí Minh, tụng như sau:
“Nhược, phộc nhật-la địa-lý sắt-tri, sa dã kê, ma tra”
 𑖀 𑖑𑖒 𑖓𑖔 𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙
 *)JAH_ VAJRA-DRṢṬI SAYAKE MAT

_Dựa quyền trước, hai vũ (2 tay)
 Giao cánh tay ôm ngực
Kê Lý Kê La Tôn (Kīlikīla Nātha)
 Nên tụng câu sau này:
“Hàm, phộc nhật-la kê lợi cát lệ, hàm”
 𑖀 𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙
 *)HŪM_ VAJRA-KĪLIKĪLE HŪM

_Lại sửa tiếp Ân trước
 Tuệ Tý (cánh tay phải) dựng như phướng
 Định quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ
 Tụng Minh tên **Ái Khé**
“Hàm, phộc nhật-lị nễ, sa-ma la , la tra”
 𑖀 𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙

*)VAM_ VAJRINI SMĀRA RAT

_ Hai quyền đều ở háng
_ Nghiêng đầu về vai trái
_ Tướng Mạn Khê mới thành
_ Chân Ngôn tụng như sau:
_ “**Hộc, phộc nhật-la ca minh thấp-phộc li, đát-lam**”

ॐ वज्रकामेश्वर उं

*)HOH_ VAJRA-KĀMEŚVARI TRĀM

_ Tiếp bày **Nội Cúng Dương**
_ Khởi đầu góc Đông Nam
_ Hình dăng hoa, áo trắng
_ **Kim Cương Diệu Thích Duyệt**
_ **Kim Cương Thích Duyệt Tính**
_ Màu đen cầm lư hương
_ Kim Cương Nhãn hiển đèn
_ Màu sắc đỏ nghiêm súc
_ Bụi làm Đò Hương Vị
_ Kim Cương Đại Cát Tường
_ Hình chất đều màu vàng

_ Tiếp bày tướng Khê ấy
_ Trước tiên, hai quyền múa
_ Như Nghi vừa kết thành
_ Dùng hai Kim Cương Quyền
_ Kèm lên trên bung ném
_ Tướng diệu hoa cúng dường
_ Chân Ngôn tụng như sau:
_ “**Hệ, phộc nhật-la la để**”

ॐ वज्र उं

*)HE VAJRA RATIḤ

_ Kèm quyền xuống dưới, ném
_ Như biên mây hương đốt (Thieu Hương)
_ Trần lan khắp tất cả
_ Tụng Chân Ngôn như sau:
_ “**Ma ha la đa, phộc nhật-la hộc**”

महा उं वज्र ॐ

*)MAHĀ-RATA VAJRA HOḤ

_ Hai quyền hợp Thiên Trí (2 ngón cái)
_ Như đèn, nên vận tướng
_ Rộng thí làm Phật sự
_ Mật Ngôn tụng như vậy:
_ “**Án, phộc nhật-la lộ giả ninh**”

उं वज्र ॐ वज्र

*)OM_ VAJRA-LOCANE

_Kèm che hai quyền ấy
Y ôm hai hướng buông
Như thế Diệu Đồ Hương
Nên tụng Chân Ngôn này:
“Ma ha thất-li phộc nhật-li, tứ”

महाश्रीवज्र ह्रीः

*)MAHĀ-ŚRĪ-VAJRI HIḤ

_Các Tôn Ngoại Cúng Đường

Bốn góc lại tồn tướng
Đông Nam tên Hy Hý
Hai quyền để ngang tim
Tiểu ngụ ở Tây Nam
Hai vũ (2 tay) buông bên miệng
Ca trụ ở Tây Bắc
Đàn , cầm Không Hầu ấy
Đông Bắc Vũ là tên
Như Nghi, thế xoay chuyển
Hình, quần áo màu vàng

Chân Ngôn Khê lại bày
Che kèm ở hai quyền
Buộc tim chuyển bên phải
Đây là Hy Hý Ân
Mình ấy xưng như sau:

“Hê, la để, phộc nhật-la, vĩ la tứ nễ, đát-la tra”

हे रति वज्रविलसिनि त्रति

*)HE RATI VAJRA-VILĀSINI TRAT

_Như trước ấn bên miệng
Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) buông dần
Giương chưởng duỗi cánh tay
Cười mỉm (hàm tiểu) tụng Chân Ngôn:
“Hê, la để, phộc nhật-la hạ tế, ha ha”

हे रति वज्रहसे ह हा

*)HE RATI VAJRA-HĀSE HA HA

_Định Tý (cánh tay trái) như Không Hầu (một loại đàn)
Sửa Tiên Lực (2 ngón trỏ) hơi co
Tuệ vũ (tay phải) thế gậy đàn
Là Ca , tụng Minh ấy:

“Hê, la để, phộc nhật-la nghi để, để để”

हे रति वज्रगिते ते ते

*)HE RATI VAJRA-GĪTE TE TE

_Hai quyền múa ở tim
Hợp trên đỉnh liền buông

Tên là **Vũ Khé Tướng**

Chân Ngôn Cú liên bày:

“**Hệ, la để, phộc nhật-la nễ-li đế, phệ ba phệ ba**”

𑖀 𑖩𑖱 𑖀𑖩𑖱𑖱 𑖀𑖩𑖱

*)HE RATI VAJRA-NRTYE VEPA VEPA

_ **Bốn Thừa Chỉ** ở cửa

Hình Nghi lại diễn bày

Sơ (khởi đầu) **Tri Câu** (Amkuśa: Câu)màu xanh

Nghiêm lệ ở tại cửa

Đông **Tri Sách** (Pāśa: Sách) màu vàng

Tây **Tri Tỏa** (Shoṭa: Tỏa) màu đỏ

Bắc ấy tên là **Khánh** (Ghaṃṭa: Linh)

Mão tóc màu xanh lục

Bí Khé với Chân Ngôn

Thứ tự nay sẽ nói

Lưng hai quyền lán nhau

Ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau

Tiền Lực (2 ngón trỏ) duỗi hết mức

Lại hơi co Tiền Độ (ngón trỏ phải)

Hơi triệu là **Câu Khé**

Minh ấy xung như sau:

“**Phộc nhật-lăng củ thể, nhược**”

𑖀𑖩𑖱𑖱𑖱 𑖀𑖩𑖱

*)VAJRA AMKUŚE JAḤ

_ **Ấn trước giao Tiền Lực** (2 ngón trỏ)

Ngược đem đầu vịn nhau

Chính giữa như vòng dây

Xung tụng Chân Ngôn sau:

“**Phộc nhật-la bá thể, hồng**”

𑖀𑖩𑖱𑖱𑖱 𑖀𑖩𑖱

*)VAJRA-PĀŚE HŪM

_ **Sửa Tiền Lực** (2 ngón trỏ) móc nhau

Mở lưng quyền giao tý (giao cánh tay)

Liên thành tên **Tỏa Khé**

Mật Ngôn xung như vậy:

“**Phộc nhật-la thương ca lệ, hàm**”

𑖀𑖩𑖱𑖱𑖱 𑖀𑖩𑖱

*)VAJRA ŚAMKARE VAM

_ **Như Tỏa**, lưng dính nhau

Lay động, **Khánh Minh** là:

“**Phộc nhật-la kiến tai, hộc**”

𑖀𑖩𑖱𑖱𑖱 𑖀𑖩𑖱

*)VAJRA-GHAMṬE HOḤ

_ Đại Thánh nơi nghiêm sức
Tòa Hoa với quần áo
Còn lại nhìn Tôn trước
Màu sắc tùy thân tướng
Hình thù đủ mọi Đức
Đầu đội mào năm Phật
Xây dựng **Mạn Trà La** (Maṇḍala)
Các **địa vị** tồn tướng
Vành trăng tròn sáng hiện
Trong đó nên Quán Niệm
Bán Già, mặt Bản Tôn
Vui thích trụ chiêm ngưỡng

_ Lại nói Tam Muội Gia
Bản Tôn, trước đã bày
Khế ấy với Chân Ngôn
N như Nghi đừng sai lầm
Tôn khác, tiếp nên làm
Cũng mắt, tên (mũi tên) làm trước
Chỉ sự Hộ Thân ấy
Đại Lạc Tỳ Tâm Ấn
Co gập hết Tiên Lực (2 ngón trở)
Lung phân đầu dính nhau
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi
Nhiệm Giao Ấn liền thành
Tên **Kế Lý Kế La** (Kīlikīla)

_ Tiếp bày tướng Ma Kiệt
Tiên Độ (ngón trở phải) móc Nguyệt Độ (ngón giữa trái)
Giới Phương (2 ngón vô danh) duỗi thành kim
Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng
Thiền Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau
Đầu đè bên Tiên Lực (2 ngón trở)
Tướng **Ái Khế** đã thành

_ Chẳng sửa Ấn lúc trước
Từ ngoài chạm bấp vế
Phải trái cũng như vậy
Nội Cúng Đường với Minh
Nghiêng vắn Kim Cương Chưởng
Ném trên làm **Hoa Ấn**
Chẳng bung thành **Thieu Ấn** (Thieu Hương Ấn)
Thiền Trí (2 ngón cái) bức thành **Đặng** (Đèn sáng)
Đồ Hương y ngực mở
Hỷ Hỷ chuyển xoay lễ
Tiểu Khế sát bên miệng
Từ Đàn Tuệ (2 ngón út) mở dần

_ Lại kết **Ca Ân** ấy

Sửa Tiên Độ (ngón trở phải) hơi co

Định vũ (tay trái) Khư Tra Ca

Tuệ (tay phải) tác tướng Tam Tràng (3 cây phượng)

Ở trái tim, xoay múa

Tám Cúng Đường đã điều

_ Tiếp kết Kim Cương Phộc

Sửa Tiên Lục (2 ngón trở) hơi co

Triệu dân, **Câu Khế** ấy

Từ Phộc, **Sách** sẽ sinh

Thiên Độ (ngón trái phải) mở Trí (ngón cái trái) Lục (ngón trở trái)

Ấn thành lại làm **Tỏa**

Hoàn Tiên (ngón trở phải) Thiên (ngón cái phải) Trí (ngón cái trái) Lục (ngón trở trái)

Vịn xong liền thành câu (móc câu)

_ Lại tác Kiên Cố Phộc

Thiên Trí (2 ngón cái) dưới Giới Phương (2 ngón vô danh)

Ngay ngực liền dao động

Làm **Khánh**, bốn **Nhiếp** thành

Tam Muội Gia Chân Ngôn

Đồng câu Yết Ma trước

Kim Cương Tát Đỏa vị

Với nơi Hành Giả ở

Đều có mười sáu Tôn

Vây quanh đoan nghiêm trụ

_ Lại **Tụng**, tiếp đã bày

Tán Tối Thắng chân thật

Có thể vừa xưng niệm

Mau khiến tròn Tất Địa

“**Ma ha tố khư (1) Ma ha la nga (2) Ma ha phộc nhật-la (3) Ma ha đà na (4) Ma ha chi-nhương na (5) Ma ha yết ma (6) Phộc nhật-la tát đát-phộc nễ-dã (7) Tất địa-dã minh (8)**”

मन् सुख मन् एत मन् वज्र मन् दय मन् कुत्र मन् कर्म
वज्रसूत्रं शुभं (सुखं म्)

*)MAHĀ-SUKHA _ MAHĀ-RĀGA _ MAHĀ-VAJRA _ MAHĀ-DHANA _
MAHĀ-JÑĀNA _ MAHĀ-KARMA _ VAJRA-SATVA DYA _ SIDDHYA MI

_ Tụng Tán, tiếng xong rồi

Quán niệm Bản Sở Tôn

Thân tâm chẳng tán loạn

Nân đội nơi Châu Man (tràng hạt)

Ngay tim dùng gia trì

Rồi tụng Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la ngu tứ-dã, nhạ ba, tam ma duệ, hồng**”

ॐ वज्र गुह्य रूप समये हूं

*)OM_ VAJRA GUHYA JĀPA SAMAYE HŪM

_Tiếp tụng Bản Sở Tôn
Cầm chuỗi trụ **Đẳng Dẫn**
Chẳng lay động đầu lưỡi
Môi răng đều hợp nhau
Kim Cương Ngũ lia tiếng
Rõ ràng, quán tướng tốt
Bốn Thời chẳng gián đoạn
Xong trăm ngàn (10 vạn biến) làm hạn
Hoặc lại vượt số đây
Chân Ngôn xưng như vậy”

“**Án, phộc nhật-la tát đát-phộc, ác**”

ॐ वज्रसट्वा ः

*)OM_ VAJRA-SATVA AH

Niệm tụng phần hạn xong
Nâng chuỗi phát Nguyện lớn (Đại Nguyện)

Liên kết **Căn Bản Án**

Tụng **Bản Minh** bảy biến

Lại tu **tám Cúng Đường**

Dùng diệu thanh tụng tán

Dâng hiến nước Át Già

Giải Giới với các Án

Liên kéo Tam Muội Quyền

Mật Tụng rồi kéo mở

Tiếp kết **Yến Ma Noa**

Ba tụng ba mở tay

Mỗi một nơi sinh Án

Mỗi mỗi tự sẽ giải

Liên tụng Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, mục**”

ॐ वज्रसट्वा ः

*)OM_ VAJRA MUH

Tiếp kết **Phụng Tống Án**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc

Dụng Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) như kim

Tụng xong, ném lên trên

Rồi tụng Chân Ngôn là:

“**Án, cật-lị đở phộc tát phộc tát đát-phộc la-tha, tát địa ná đa dã tha nỗ nga
nghiệt xa đặc-phạm, bột đà vĩ sai lam, bố na la nga ma na dã đở. Án, phộc nhật-la tát
đát-phộc, mục**”

ॐ ः सट्वा सट्वा य (सट्वा सट्वा
सट्वा सट्वा य ॐ वज्रसट्वा ः

यत्पुनरागमनयतु वृषिष्यं

*)OM_ KRTOVĀH, SARVA-SATVA ARTHA SIDDHIRDATTĀ YATHA
ANUGĀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARĀGAMANAYATU _ OM
VAJRA-SATVA MUH

_Tiếp nên kết **Bảo Án**

Hai vũ (2 tay) Kim Cương Phộc
Tiền Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu
Thiền Trí (2 ngón cái) cũng như thế
Ấn tướng từ tim khởi
Đặt ở nơi Quán Đỉnh
Chia tay như hệ man (cột vòng hoa)
Cũng thành **Giáp Trụ Ấn**
Chân Ngôn xung như vậy:

“**Ấn, phộc nhật-la la đát-na tỳ tru giả hàm. Tát phộc mẫu nại-la mê nại-lị trĩ củ
lồ, phộc la ca phộc chế na Phạm**”

ॐ वज्र [व म्] (ॐ वज्र म् स व स व म् वृ ल कु र् व ज्र क व र् व वं

*)OM – VAJRA-RATNA ABHIṢIṢṢCA MĀM SARVA-MUDRA ME, DR̥DHI
KURU, VAJRA-KAVĀCENA – VAM

_ Gia trì **Bị Giáp** xong
Ngay chưởng vỗ ba lần
Khiến Thánh Chúng vui vẻ
Dùng Chân Ngôn Ấn này
Giải Phộc được vui vẻ
Rồi tụng Chân Ngôn là:

“**Ấn, phộc nhật-la đố sắt-dã, hộc**”

ॐ वज्र तुष्य ऋः

*)OM_ VAJRA TUṢYA HOḤ

_Phụng Tống Thánh Chúng xong
Tự tác Gia Trì, dứt
Liên ra khỏi Đạo Trường
Tùy ý tự Kinh Hành
Chuyên đọc Đại Thừa Điển
Điều tức (điều hòa hơi thở ra vào) thân tâm mình
Tâm thường tướng Bản Tôn
Nhân Giả nên tuân phụng.

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SƠ DU GIÀ PHỔ HIỀN BỒ TÁT
NIỆM TỤNG PHÁP

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 22/04/2013